

Số: 27/2026/QĐST-HNGĐ

Thạch Thất, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v “*Hủy kết hôn trái pháp luật và Công nhận hôn nhân hợp pháp*”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc dân sự sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:** Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- **Thư ký phiên họp :** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hà Nội:** Bà Lê Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 452/2026/VDS-HNGĐ ngày 26/12/2025 về yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1973; CCCD số: 001173003041 Do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp 27/4/2021; có mặt;

Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1968; CCCD số: 001068025741 Do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp 23/4/2021; có mặt;

Cùng địa chỉ: thôn L, xã T, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 20/10/1989, ông, bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, nay là xã T thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 4 người con. Do thời điểm ông, bà làm thủ tục đăng ký kết hôn thì bà T đã khai không đúng tuổi với cán bộ xã nên trong giấy đăng ký kết hôn đã ghi họ tên người vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 nhưng thực tế bà T sinh ngày 17/11/1973. Nay ông, bà được biết việc ông bà đăng ký kết hôn là trái pháp luật vi phạm về độ tuổi kết hôn và giấy kết hôn ghi không đúng tuổi của ông, bà, nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T theo đăng ký kết hôn số 30 ngày 20/10/1989 tại UBND xã K nay là xã T, thành phố Hà Nội.

- Đề nghị công nhận hôn nhân hợp pháp giữa Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T từ ngày bà T đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội đề nghị Tòa án hủy quan hệ hôn nhân trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T do vi phạm về độ tuổi kết hôn theo điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông H, bà T kể từ ngày bà T đủ tuổi kết hôn là ngày 18/11/1990 theo quy định tại Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về yêu cầu “Hủy việc kết hôn trái pháp luật” và nơi ông H, bà T đăng ký kết hôn là UBND xã Khuyến T nay là xã T, thành phố Hà Nội. Vì vậy. Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo quy định tại Điều 5; khoản 1 Điều 29; điểm b Khoản 2 Điều 35; điểm g Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu hủy đăng ký kết hôn trái pháp luật; Theo tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp trong hồ sơ việc dân sự và tại phiên họp thì ngày 20/10/1989 ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 tại UBND xã K nay là xã T, thành phố Hà Nội. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 20/10/1989 có ghi thông tin về năm sinh của bà T1 đúng. Theo bà T2 ông H1 thực tế bà Nguyễn Thị T3 ngày 17/11/1973.

Tại biên bản xác minh ngày 12/01/2026, UBND xã T xác nhận ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 đã đăng ký kết hôn tại UBND xã K nay là xã T, thành phố Hà Nội theo số đăng ký kết hôn số 30 ngày 20/10/1989.

Ông Lê Văn H2– nguyên Phó chủ tịch UBND xã K đã xác định: Ông là phó chủ tịch UBND xã K vào năm 1989 đã ký Giấy chứng nhận kết hôn cho ông Nguyễn Văn H3 bà Nguyễn Thị T4 khi đó công dân tự khai tên tuổi năm sinh nên UBND xã đã cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo thông tin công dân cung cấp. Thực tế sinh sống trên địa bàn xã thì ông xác nhận bà Nguyễn Thị T3 năm 1970 trong Giấy Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 20/10/1989 của UBND xã K và bà Nguyễn Thị T3 ngày 17/11/1973 (con ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị H4 một người.

Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn (ngày 20/10/1989) thì ông H5 đủ tuổi đăng ký kết hôn, bà T5 đủ tuổi kết hôn (15 tuổi 11 tháng 03 ngày) theo quy định tại Điều 5 luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Việc UBND xã K (cũ) đăng ký kết hôn cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật vi phạm về tuổi đăng ký kết hôn quy định tại Điều 5 luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Ông H6 T yêu cầu Tòa án hủy đăng ký kết hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn

Thị T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 20/10/1989 là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] *Về yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp*: Bà Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/11/1973 nên ngày 18/11/1990 bà T mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 5 luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hiện ông bà đang chung sống hòa thuận hạnh phúc kể từ năm 1989 đến nay. Do vậy, ông H, bà T yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông và bà kể từ ngày bà T đủ tuổi đăng ký kết hôn là ngày 18/11/1990 là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 /2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về lệ phí: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều khoản 2 Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01 /2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, khoản 1 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí.

1. Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T theo Giấy đăng ký kết hôn số 30 do UBND xã K nay là xã T, thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/1989.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa ông Nguyễn Văn H 7 năm 1968, CCCD số: 001068025741 Do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp 23/4/2021 và bà Nguyễn Thị T 3 ngày 17/11/1973, CCCD số: 001173003041 Do Cục trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp 27/4/2021 kể từ ngày 18/11/1990.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí bà Nguyễn Thị T đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021330 ngày 26/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Hà Nội có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;

- VKSND khu vực 10 – Hà Nội;
- THA DS thành phố Hà Nội
- Các đương sự;
- UBND xã Thạch Thất;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thu Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nội nhện:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyỐn Th¹ch ThÊt;
- THA DS Huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Lại Thượng, Huyện T, thành phố Hà Nội;
- Lu HS, VP.

**Tm. Húi @ảg xĐt xổ s↗ thỀm
ThỀm ph,n - Chñ tĩa phi^an tĩa**

Nguyễn Thị Ngọc Yên

Nội nh:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyŌn Th¹ch ThÊt;
- THA DS Huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã Lại Thượng, Huyện T, Hà Nội;
- Lu HS, VP.

Tm. Húi ăng xĐt xŏ s- thỀm
ThỀm ph,n - Chũ tĩa phi^an tĩa

Nguyễn Thị Ngọc Yên

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

